TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/DSST
Ngày: 17/3/2023
" V/v Tranh chấp
quyền sở hữu về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hnh

Bà PHm Thị Bích Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-DS ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố H1, TT C, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 17/32A Thống nhất, khu phố 02, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/6/2022 và bản tự khai ngày 30/9/2022 nguyên đơn là ông Bùi Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh Bình kết hôn với nhau và có 03 người con chung. Về tài sản chung thì ông và bà Bình có tạo lập tài sản là 01 nhà cấp 4C xây dựng năm 1994, căn nhà xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 118953 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 25/07/2017 mang tên ông Bùi Văn H, nhà và đất tọa lạc tại: Thôn Hòa Thuận nay là khu phố Hòa Thuận, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình.

Ông và bà Bình ra tòa ly hôn và đã có quyết định số: 18/2010/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, trong quyết định cũng thể hiện rõ về tài sản chung: Bùi Văn H được quyền sở hữu và sử dụng 01 căn nhà cấp 4C xây dựng trên đất 216,2m^2.

Sau khi ly hôn với bà Bình thì ông xác lập quan hệ hôn nhân với bà Võ Thị Mỹ N, có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2011 tại UBND phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Khi đi đến hôn nhân với bà N ông không xáp nhập tài sản riêng của ông vào tài sản chung.

Cuộc sống hôn nhân không Hnh phúc nên ông và bà N đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình theo bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Để thực hiện quyền định đoạt tài sản của mình nên ông làm thủ tục tặng cho tài sản riêng gồm nhà và đất nói trên cho con trai ông nhưng bà Võ Thị Mỹ N có đơn ngăn chặn cho là tài sản chung của ông với bà N dẫn đến việc ông không thể làm được thủ tục tặng cho tài sản trên. Việc bà N có đơn ngăn chặn và cho đây là tài sản chung giữa bà N và ông là không đúng pháp luật.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình công nhận nhà cấp 4C xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 118953 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 25/07/2017 nhà và đất tọa lạc tại: Thôn Hòa Thuận nay là khu phố H, thị trấn L, huyện B mang tên ông Bùi Văn H là tài sản của riêng ông.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản ghi lời khai 24/11/2022 bị đơn bà Võ Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Bùi Văn H đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình theo bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Trong thời kỳ hôn nhân với ông Bùi Văn H thì bà và ông H không tạo lập tài sản chung.

Đối với tài sản là căn nhà cấp 4 xây dựng diện tích đất 216,2m^2 trên đất có nhà cấp 4C nhà và đất tọa lạc tại: Thôn H nay là khu phố H, thị trấn L, huyện B, Bình Thuận bà xác định đây là tài sản của riêng ông Bùi Văn H. Trước yêu cầu của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu công nhận căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tọa lạc tại: Thôn H1 nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản riêng của ông H thì bà không có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp. Ngoài ra bà không có ý kiến gì thêm. Bà yêu cầu được xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

1. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn ông Bùi Văn H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Võ Thị Mỹ N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ, lời khai trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và kết quả tranh luận của các đương sự, Viện kiểm sát: Xét thấy, căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tọa lạc tại khu phố Hòa Thuận, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình là tài sản chung của ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh Bình tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn với bà Bình năm 2010 thì tài sản trên được xác định là tài sản riêng của ông H theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 18/2010/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2010 của TAND huyện Bắc Bình. Năm 2011 ông H kết hôn với bà Võ Thị Mỹ N. Như vậy tài sản là căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 là tài sản riêng ông H có trước khi kết hôn với bà N. Quá trình chung sống ông H và bà N không có thỏa thuận nhập tài sản riêng của ông H vào tài sản chung của vợ chồng do đó tài sản là căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tại khu phố H1, thị trấn L, huyện B vẫn là tài sản riêng của ông H. Bà Võ Thị Mỹ N cũng xác định căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tại khu phố H1, thị trấn L nêu trên là tài sản riêng của ông Bùi Văn H. Ông Bùi Văn H yêu cầu công nhận tài sản trên là tài sản riêng của ông H thì bà không có ý kiến và cũng không tranh chấp gì.

Như vậy căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tại khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản riêng của ông Bùi Văn H có trước khi kết hôn với bà Võ Thị Mỹ N, quá trình hôn nhân ông H không nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng do đó tài sản trên vẫn là tài sản riêng của ông H, đồng thời bà N cũng xác nhận đây là tài sản riêng của ông H, do đó việc ông H yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tại khu phố H1, thị trấn C, huyện B là tài sản riêng của ông là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 205, Điều 206 BLDS năm 2015; Điều 43, Điều 46 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận căn nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích 216,2m^2 đất thổ cư theo giấy CNQSDĐ số CE118953 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 25/7/2017 tọa lạc tại khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản riêng của ông Bùi Văn H.

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật, tuy nhiên nguyên đơn tự nguyện chịu nộp thay án phí cho bị đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu tài sản với bà Võ Thị Mỹ N nên đây là việc kiện "Tranh chấp về quyền sở hữu" Nhà và đất có địa chỉ tại: thôn H1 nay là Khu phố H1, thị trấn L, huyện B nên căn cứ tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Văn H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bà Võ Thị Mỹ N đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng yêu cầu xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, tại giai đoạn giải quyết vụ án ông Bùi Văn H đã có cung cấp các chứng cứ: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất mang tên ông Bùi Văn H số CE 118953 ngày 25/7/2017; Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình và quyết định số: 18/2010/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ N không xuất trình chứng cứ.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, chứng cứ và tài liệu do đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh B kết hôn với nhau và có 03 người con chung.

Về tài sản chung: Thì ông H và bà Bình có tạo lập tài sản là 01 nhà cấp 4C căn nhà xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 nhà và đất tọa lạc tại: Thôn H1 nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2010/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình giữa ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh B có ghi nhận, về phần tài sản chung thì giao cho ông Bùi Văn H được quyền sở hữu và sử dụng 01 căn nhà cấp 4C xây dựng trên đất 216,2m^2. Sau khi ly hôn với bà Bình thì đây là tài sản riêng của ông H.

Năm 2011 ông Bùi Văn H xác lập quan hệ hôn nhân với bà Võ Thị Mỹ N.

Ngày 25/07/2017 ông Bùi Văn H được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 118953 thửa số 154, tờ bản đồ 14 diện tích đất 216,2m^2 trên đất có nhà cấp 4C nhà và đất tọa lạc tại: Thôn Hòa Thuận nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B. Như vậy đây là tài sản riêng của ông H có trước khi kết hôn với bà N.

Trong qúa trình sống chung với bà N ông H không thỏa thuận xáp nhập tài sản riêng của ông H vào tài sản chung của vợ chồng.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình giữa ông Bùi Văn H và bà Võ Thị Mỹ N có ghi nhận, về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị Mỹ N cũng xác định nhà cấp 4C xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tọa lạc tại: Thôn Hòa Thuận nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản của riêng ông H. Bà N không có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp.

Yêu cầu của ông H về công nhận nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 tại: Thôn H1 nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản riêng của ông H là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2009/PL- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tại Tòa nguyên đơn ông Bùi Văn H tự nguyện chịu nộp thay án phí cho bị đơn bà Võ Thị Mỹ N nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 , Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 186, Điều 189, Điều 205, Điều 206 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 43, Điều 46 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận nhà cấp 4C được xây dựng trên diện tích đất 216,2m^2 đất thổ cư thửa số 154, tờ bản đồ 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 118953 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 25/07/2017 tọa lạc tại: Thôn H1 nay là khu phố H1, thị trấn L, huyện B là tài sản riêng của ông Bùi Văn H.

Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn H tự nguyện nộp thay phần án phí cho bà Võ Thị Mỹ N nên ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.700.000 đồng ông H đã nộp tại biên lai thu số 0002534, ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự, hoàn trả 3.400.000 đồng tạm ứng án phí cho ông H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS ND (tỉnh + huyện);
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh